

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **194/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 02/6/2023

V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hà**, Bà **Nguyễn Thị Luận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Diệu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai**

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 152/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Trịnh Thị A** – sinh năm 1987. (có mặt)

2. **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Quang C** – sinh năm 1983. (vắng mặt)

Đều có HKTT tại: Thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Trịnh Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị A và anh Nguyễn Quang C có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Sau khi chung sống hạnh phúc được thời gian dài thì mâu thuẫn phát sinh nguyên nhân là do chúng tôi bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, việc sinh hoạt vợ chồng của chúng tôi không phù hợp nhau. Vợ chồng không còn quan hệ tình cảm từ khoảng tháng 11/2022 cho đến

nay, cũng không quan tâm chăm sóc nhau nhiều năm nay, do vậy tình cảm vợ chồng rạn nứt. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh C để tôi ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị A xác nhận chị và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 30/9/2007 và cháu Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 9/10/2013. Sau khi ly hôn chị A có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại chị A làm cửa hàng bán hoa tươi, thu nhập bình quân khoảng 20.000.000 đồng/01 tháng

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, biên bản Hòa giải tại tòa án bị đơn anh Nguyễn Quang C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C xác nhận anh và chị Trịnh Thị A tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 25/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng anh không có tiếng nói chung về cách sống, lối sống. Anh và chị A đang sống ly thân (từ khoảng tháng 11/2022 cho đến nay), sau khi kết hôn anh C do đi xuất khẩu lao động hơn 10 năm dẫn đến tình cảm vợ chồng bị xa cách, nhưng năm 2021 anh đã về nước và cố gắng xây dựng tình cảm để vợ chồng hòa hợp với nhau cùng nuôi con và xây dựng hạnh phúc. Do anh C vẫn còn tình cảm với chị A nên anh không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa hòa giải đoàn tụ để vợ chồng cùng chăm sóc con chung

Về con chung: Anh C xác nhận anh và chị A có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 30/9/2007 và Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 9/10/2013. Nếu phải ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết N và không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung

Hiện anh C đang làm công việc tổ chức sự kiện tư nhân, lương tháng khoảng 10.000.000 đồng /01 tháng

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:

- Chị A vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn anh C.

- Về con chung: chị xin được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Phương V và nhường quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Tuyết N cho anh C nuôi dưỡng, chăm sóc. Việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh C vắng mặt, nên không ghi nhận ý kiến

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Trịnh Thị A được ly hôn anh Nguyễn Quang C. Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 30/9/2007 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác; Giao 01 con chung là Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 9/10/2013 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Chị A, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Hai cha mẹ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị A, anh C cho đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị A, anh C không yêu cầu nên không xem xét;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Quang C cư trú tại thôn Tiến Tiên, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Trịnh Thị A, anh Nguyễn Quang C đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị A kết hôn với anh Nguyễn Quang C trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 25/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội nên hôn nhân giữa chị A và anh C là hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị A, anh C và kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống giữa chị A, anh C phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh vợ chồng không đồng quan điểm sống, lối sống, sau khi kết hôn được thời gian ngắn anh đã đi xuất khẩu lao động hơn 10 năm, thời gian xa cách lâu năm làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt. Năm 2021 anh C có về Việt Nam để sinh sống, vợ chồng sống xa nhau thời gian ly thân kéo dài dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2022 cho đến nay. Trước yêu cầu ly hôn của chị A thì anh C không đồng ý ly hôn, anh không đến Tòa án làm việc và không trình bày ý kiến và phương án để hai vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không thể chia sẻ với nhau những vấn đề trong cuộc sống, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị A xin ly hôn với anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị A, anh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 30/9/2007 và Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 9/10/2013. Hiện hai con chung đang sống cùng vợ chồng anh chị ở thôn Tiến Tiên, xã Tân Tiên, huyện Chương Mỹ, 02 con chung có nguyện vọng ở với chị A tại phiên hòa giải lần 2 và tại phiên tòa chị A có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương V và nhường quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nguyễn Thị Tuyết N cho anh C nuôi dưỡng, chăm sóc. Hiện chị A có cửa hàng hoa tươi bán tại nhà với thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000đ/01 tháng; Còn anh C có nguyện vọng nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết N, hiện anh C làm công việc tự do thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000đ/01 tháng. Xét nguyện vọng của các con

chung cũng như nguyện vọng xin được nuôi dưỡng các con của chị A, anh C đồng thời thu nhập của anh chị cũng đủ để đảm bảo mỗi người nuôi dưỡng 01 con chung. Do vậy việc giao cháu N cho anh C nuôi dưỡng; cháu V cho chị A nuôi dưỡng là phù hợp

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị A và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị A được ly hôn anh Nguyễn Quang C.

2. Về con chung: Chị A, anh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 30/9/2007 và Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 9/10/2013. Giao 01 con chung là Nguyễn Thị Tuyết N cho anh Nguyễn Quang C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao 01 con chung là Nguyễn Ngọc Phương V cho chị Trịnh Thị A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị A, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A, anh C cho đến khi có thay đổi khác

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị A và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0076710 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Quang C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận

- *Đương sự;*
- *TAND Tp. Hà Nội;*
- *VKSND huyện Chương Mỹ;*
- *Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;*
- *UBND thị xã B, huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội (Trường hợp án có HLPL);*
- *Lưu HSVA – VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Dũng